

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai

Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2026-2030

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Công văn số 5455/VPCP-KGVX ngày 10/6/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể triển khai Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Y tế; các bộ, cơ quan ngang bộ có thành viên tham gia Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, ngành có liên quan;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BTXH.

KT. BỘ TRƯỞNG 

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên Hương

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ

**Triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật
giai đoạn 2026-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030, trọng tâm là giai đoạn 2026-2030.

b) Tăng cường thực thi hiệu quả Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban về quyền của người khuyết tật theo tinh thần Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận số 444-TB/VPTW ngày 05/12/2025 của đồng chí Tổng bí thư tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với người khuyết tật.

c) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, cơ quan, địa phương và tăng cường hiệu quả hoạt động phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

a) Việc tổ chức, thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác người khuyết tật.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phải xây dựng kế hoạch, chương trình, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ, bảo đảm hiệu quả, chất lượng.

c) Bảo đảm quan hệ chặt chẽ và phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan cơ quan liên quan và địa phương; kịp thời phản ánh, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và Luật Người khuyết tật nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật; tạo điều

kiện để người khuyết tật tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội; xây dựng môi trường không rào cản bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người khuyết tật và hỗ trợ người khuyết tật phát huy khả năng của mình.

2. Các chỉ tiêu trọng tâm đến năm 2030

a) Về trợ giúp y tế và chăm sóc sức khỏe

- Hằng năm khoảng 90% người khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới nhiều hình thức khác nhau;

- Ít nhất 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc, phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật;

- Khoảng 70.000 trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

b) Về giáo dục và giáo dục nghề nghiệp:

- 90% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục;

- 300.000 người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo nghề;

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho 06 cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo nghề cho người khuyết tật tại 6 vùng trong cả nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề cho người khuyết tật.

c) Về việc làm và sinh kế

Bảo đảm 100% người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được hướng dẫn, hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tự tạo việc làm, khởi nghiệp hoặc phát triển sản xuất.

d) Về tiếp cận công trình công cộng và giao thông

100% các công trình xây dựng mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật và 50% công trình cũ hiện hữu được cải tạo, nâng cấp các hạng mục tiếp cận, bao gồm: trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; công trình văn hóa, thể dục, thể thao và nhà chung cư;

- Đạt 50% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc các dịch vụ trợ giúp tương đương;

- 100% người khuyết tật tham gia giao thông công cộng được miễn, giảm giá vé theo quy định, riêng đối với các tuyến vận tải đường bộ liên tỉnh hỗ trợ mức miễn, giảm tối thiểu là 60%.

đ) Về tiếp cận thông tin, công nghệ và pháp lý

- Tỷ lệ người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu bằng 1/3 tỷ lệ chung trên phạm vi cả nước;

- 100% người khuyết tật thuộc diện đối tượng được trợ giúp pháp lý được cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định khi có yêu cầu.

e) Về văn hóa, thể thao và tổ chức hội

- Ít nhất 70% tỉnh, thành phố có Câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật, thu hút 15% người khuyết tật tham gia tập luyện thể dục, thể thao;

- Hỗ trợ ít nhất 20% người khuyết tật được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật;

- 100% thư viện công cộng cấp tỉnh tổ chức được không gian đọc, bảo đảm tiện ích thư viện chuyên dụng cho người khuyết tật (đặc biệt là người khiếm thị và người khuyết tật chữ in theo Hiệp ước Marrakesh);

- Đạt 100% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau;

- Phân đầu 80% số tỉnh, thành phố có tổ chức của người khuyết tật.

g) Về năng lực cán bộ làm công tác hỗ trợ người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật

- 70% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật;

- 40% hộ gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;

- 30% người khuyết tật được hỗ trợ tập huấn các kỹ năng sống cơ bản.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng

Người khuyết tật (ưu tiên người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn); hộ gia đình có người khuyết tật; các tổ chức của và vì người khuyết tật; các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Phạm vi triển khai: Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Truyền thông nâng cao nhận thức xã hội

a) Đa dạng hóa các hình thức truyền thông tạo chuyển biến sâu sắc, thống nhất trong nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật chuyển từ “y tế - chăm sóc” sang tiếp cận “xã hội - hòa nhập”, hướng đến việc loại bỏ định kiến, giảm bất bình đẳng, mở rộng cơ hội và trao quyền cho người khuyết tật, đóng góp bình đẳng vào sự phát triển của xã hội.

b) Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí lồng ghép tuyên truyền hiệu quả các quan điểm, mục tiêu tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg, các nội dung của Công ước CRPD và Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước CRPD theo Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Thiết kế nội dung và phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm truyền thông sử dụng ngôn ngữ ký

hiệu, phụ đề, chữ nổi Braille hoặc các định dạng kỹ thuật số dễ truy cập, dễ đọc, dễ hiểu nhằm đảm bảo mọi dạng khuyết tật đều tiếp cận được thông tin.

d) Tuyên truyền, khuyến khích khơi dậy phong trào tham gia bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình, cá nhân hoạt động hiệu quả, tiêu biểu ở các địa phương.

2. Trợ giúp y tế, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng

a) Hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về xác định mức độ khuyết tật, giám định khuyết tật, phục hồi chức năng và các chính sách bảo hiểm y tế cho người khuyết tật;

b) Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản;

c) Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật;

d) Nâng cao chất lượng dịch vụ của chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; hướng dẫn kỹ năng phục hồi chức năng tại nhà cho gia đình và người chăm sóc người khuyết tật; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử tập trung cho người khuyết tật tại các trạm y tế xã, phường, đặc khu để theo dõi và hỗ trợ kịp thời.

3. Trợ giúp giáo dục

a) Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bảo đảm giáo dục bắt buộc ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ cập giáo dục trung học và tương đương đối với người khuyết tật và thúc đẩy thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật;

b) Nghiên cứu, xây dựng, phát triển chương trình học tập, học liệu giáo dục hỗ trợ cấp học mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu đa dạng của người khuyết tật;

c) Tiếp tục triển khai đưa nội dung giáo dục hòa nhập và giáo dục đối với người khuyết tật vào các chương trình đào tạo giáo viên đối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành sư phạm;

d) Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cấp học mầm non và phổ thông về nghiệp vụ giáo dục đối với người khuyết tật;

đ) Phát triển các mô hình giáo dục đối với người khuyết tật, hệ thống các cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật hoạt động có hiệu quả từ trung ương đến địa phương phù hợp với nhu cầu đa dạng của người khuyết tật: phát hiện sớm, can thiệp giáo dục sớm, giáo dục đối với người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục, giáo dục người khuyết tật tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa;

e) Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục của người khuyết tật vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

4. Giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế

a) Rà soát và hoàn thiện văn bản hướng dẫn tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người khuyết tật; thống kê, đánh giá các cơ sở đào tạo nghề đối với người khuyết tật và nhu cầu học nghề của người khuyết tật;

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề đối với người khuyết tật linh hoạt về thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, hình thức đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp hoặc các tổ chức của người khuyết tật; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc của người khuyết tật;

c) Đánh giá và xây dựng tài liệu tập huấn nhân rộng các mô hình hỗ trợ sinh kế, mô hình hỗ trợ người khuyết tật khởi nghiệp, mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đối với người khuyết tật hiệu quả; phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác có người khuyết tật tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm;

d) Ưu tiên bố trí và giải ngân nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

5. Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai

a) Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, người khuyết tật và tổ chức của người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai;

b) Nghiên cứu, đánh giá nhân rộng mô hình lồng ghép người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật;

c) Ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng giúp người khuyết tật nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai, bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin của người khuyết tật trong các tình huống khẩn cấp (thiên tai, dịch bệnh); khuyến khích ứng dụng các giải pháp công nghệ phù hợp với từng dạng khuyết tật để tiếp nhận cảnh báo sớm).

6. Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng

a) Đẩy mạnh các biện pháp thực thi Bộ Quy chuẩn Việt Nam 10:2024/BXD về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng trong các công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra trong hoạt động xây dựng;

b) Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng bảo đảm tiếp cận sử dụng các công trình công cộng và nhà chung cư; xây dựng tài liệu hướng dẫn bảo đảm người khuyết tật tiếp cận các công trình xây dựng hiện hữu;

c) Nghiên cứu thúc đẩy các giải pháp trợ giúp tiếp cận các công trình xây dựng; xây dựng các tài liệu minh họa, hướng dẫn thực hiện, giáo trình giảng dạy về

thiết kế tiếp cận các công trình xây dựng trong công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao nhận thức của cộng đồng.

7. Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông

a) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành bộ tiêu chí giao thông tiếp cận phổ quát đối với hệ thống giao thông;

b) Nghiên cứu, biên soạn và phát hành Sổ tay thiết kế công trình giao thông tiếp cận đối với hệ thống giao thông để hướng dẫn các địa phương áp dụng trong quá trình phát triển hệ thống giao thông;

c) Tăng cường năng lực hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng;

d) Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để người khuyết tật tham gia giao thông;

đ) Khảo sát, đánh giá thực trạng đảm bảo tiếp cận của hệ thống giao thông công cộng và nhu cầu tham gia giao thông của người khuyết tật phục vụ cho việc xây dựng chiến lược giao thông tiếp cận đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

8. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

a) Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trợ giúp người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông;

b) Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật;

c) Phát triển các công cụ, sản xuất tài liệu phục vụ đào tạo người khuyết tật tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật bao gồm giáo dục văn hóa phổ thông các cấp và đào tạo nghề;

d) Nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông; nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật;

9. Trợ giúp pháp lý

a) Tăng cường thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý; phối hợp với Trung tâm và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong việc hỗ trợ và trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật;

b) Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và những người phối hợp trong trợ giúp pháp lý với người khuyết tật;

c) Tăng cường, đổi mới truyền thông về trợ giúp pháp lý theo hướng đa dạng các hình thức, biện pháp, cách thức, nội dung truyền thông về trợ giúp pháp lý bằng nhiều hình thức phù hợp cho người khuyết tật.

10. Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

a) Hướng dẫn các tỉnh, thành phố thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật;

b) Hoàn thiện và phát triển 15 môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu;

c) Hướng dẫn các tỉnh, thành phố chỉ đạo hệ thống thư viện trên địa bàn hình thành môi trường đọc thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ và sản phẩm thông tin, thư viện và các điều kiện để hỗ trợ người khuyết tật khai thác, sử dụng thư viện;

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ để người khuyết tật có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với người khuyết tật;

đ) Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực thể dục thể thao người khuyết tật cho các đối tượng: Trọng tài, huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật, hướng dẫn viên, cán bộ hội người khuyết tật; tập huấn đào tạo kỹ năng biểu diễn nghệ thuật dành cho người khuyết tật; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ người khuyết tật khi tham gia các hoạt động du lịch.

11. Trợ giúp phụ nữ khuyết tật

a) Vận động, thực hiện chính sách liên quan tới phụ nữ khuyết tật (rà soát, đánh giá đề xuất chính sách; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phân tích; truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức cộng đồng; tăng cường lồng ghép giới trong các chương trình về người khuyết tật; nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp trong hỗ trợ phụ nữ khuyết tật...);

b) Triển khai các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ khuyết tật (nâng cao kiến thức, kỹ năng; phát triển mạng lưới; chia sẻ kinh nghiệm; các hoạt động an sinh xã hội; rà soát, đánh giá các mô hình hiện có và thí điểm một số mô hình/hoạt động mới...); hỗ trợ phụ nữ khuyết tật nâng cao năng lực, kỹ năng số, kỹ năng tham gia xã hội;

c) Tăng cường phối hợp liên ngành trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khuyết tật.

12. Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng

a) Vận động nguồn lực hỗ trợ các trang thiết bị, dụng cụ trợ giúp đối với người khuyết tật: xe lăn, xe lắc, khung tập đi, gậy, máy trợ thính, chân giả, tay giả và các thiết bị cần thiết.

b) Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn phát hiện, sàng lọc, tư vấn sử dụng, bảo quản thiết bị trợ giúp người khuyết tật cho cán bộ trợ giúp người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật;

c) Nghiên cứu xây dựng mô hình “cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị và mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng (khảo sát đánh giá nghiên cứu, tập huấn sử dụng cây gậy trắng, tập huấn tiếp cận các chính sách, vận động nguồn lực, kết nối dạy nghề, việc làm, hỗ trợ sinh kế, v.v...).

13. Nâng cao năng lực chăm sóc, hỗ trợ và giám sát, đánh giá

- a) Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật;
- b) Tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật; gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật;
- c) Nghiên cứu kinh nghiệm trợ giúp người khuyết tật của các nước;
- d) Nâng cao năng lực công tác thống kê, thực hiện lồng ghép hoặc tổ chức điều tra, khảo sát thống kê chuyên đề về người khuyết tật; xây dựng phần mềm đăng ký và quản lý thông tin về người khuyết tật;
- đ) Nghiên cứu, đánh giá tình hình thực hiện chương trình và các chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.
- e) Kiểm tra, giám sát và tổng hợp, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước được bố trí từ dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành cơ quan Trung ương và các địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Chương trình theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước;
- b) Đóng góp, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Các Bộ, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chương trình và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Y tế là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; đôn đốc, theo dõi các bộ, ngành, cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Chương trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ và tổng kết vào cuối năm 2030.

2. Đề nghị các bộ, ngành tăng cường thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch tổng thể này.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức thực hiện các hoạt động thúc đẩy cho thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật có nhu cầu được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm

về trợ giúp người khuyết tật; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lòng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

5. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Liên hiệp hội về người khuyết tật Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam, Hội người mù Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp của Thương binh và người khuyết tật Việt Nam, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam) trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Hằng năm các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này gửi Bộ Y tế trước ngày 25/11 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục 1

CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2026-2030 DO BỘ Y TẾ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
1	Truyền thông nâng cao nhận thức xã hội				
1.1	Đa dạng hóa các hình thức truyền thông tạo chuyển biến sâu sắc, thống nhất trong nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật chuyển từ “y tế - chăm sóc” sang tiếp cận “xã hội - hòa nhập”, hướng đến việc loại bỏ định kiến, giảm bất bình đẳng, mở rộng cơ hội và trao quyền cho người khuyết tật, đóng góp bình đẳng vào sự phát triển của xã hội	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe Trung ương, Báo Sức khỏe và đời sống); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Kế hoạch/Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật.	Hàng năm
1.2	Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí lồng ghép tuyên truyền hiệu quả các quan điểm, mục tiêu tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg, các nội dung của Công ước CRPD và Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước CRPD theo Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe Trung ương, Báo Sức khỏe và đời sống); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Kế hoạch/Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật.	Hàng năm
1.4	Tuyên truyền, khuyến khích khơi dậy phong trào tham gia bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe Trung ương, Báo Sức khỏe và đời sống);	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Các mô hình tự lực tiêu biểu được khen thưởng, vinh danh.	Hàng năm

	mô hình, cá nhân hoạt động hiệu quả, tiêu biểu ở các địa phương.	- UBND các tỉnh, thành phố.			
2	Trợ giúp y tế, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng				
2.1	Hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về xác định mức độ khuyết tật, giám định khuyết tật, phục hồi chức năng và các chính sách bảo hiểm y tế cho người khuyết tật.	Bộ Y tế (Cục Quản lý khám chữa bệnh, Vụ Bảo hiểm y tế, Cục Bảo trợ xã hội)	Các bộ, ngành liên quan	Các Thông tư.	2026-2030
2.2	Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản.	- Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục Bà mẹ và trẻ em, các cơ sở y tế); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia	Số trẻ được phát hiện sớm can thiệp .	Hàng năm
2.3	Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật.	- Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục Bà mẹ và trẻ em, các Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Hình thành mạng lưới cung cấp dịch vụ tầm soát, phục hồi chức năng, cung cấp dụng cụ chỉnh hình.	Hàng năm
2.4	Xây dựng tài liệu hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng đối với người khuyết tật; lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử cho người khuyết tật tại các trạm y tế xã, phường, đặc khu để theo dõi và hỗ trợ kịp thời.	- Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia	Tài liệu hướng dẫn PHCN, NKT được lập sổ theo dõi tại trạm y tế.	2026-2030
3	Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế				
3.3	Đánh giá, xây dựng tài liệu tập huấn và tuyên truyền nhân rộng các mô hình hỗ trợ sinh kế, mô	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội); - Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Bộ Nội vụ; - Các bộ, ngành liên quan;	Báo cáo đánh giá; tài liệu tập huấn.	2026-2030

	hình hỗ trợ người khuyết tật khởi nghiệp đối với người khuyết tật hiệu quả,...		- Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.		
4	Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai				
4.1	Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, người khuyết tật và tổ chức của người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai.	- Bộ Y tế (Cục Phòng bệnh, Cục Bảo trợ xã hội); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Bộ tài liệu hướng dẫn và tập huấn cán bộ làm công tác người khuyết tật được tập huấn.	Hằng năm
4.2	Nghiên cứu, đánh giá, hướng dẫn xây dựng mô hình lồng ghép người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật.	- Bộ Y tế (Cục Phòng bệnh, Cục Bảo trợ xã hội); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Báo cáo, đánh giá và hướng dẫn thực hiện.	2026-2030
11	Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng				
11.1	Vận động nguồn lực hỗ trợ các trang thiết bị, dụng cụ trợ giúp đối với người khuyết tật: xe lăn, xe lắc, khung tập đi, gậy, máy trợ thính, chân giả, tay giả và các thiết bị cần thiết.	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội, Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam, các cơ sở sản xuất, cung cấp); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số người khuyết tật được hỗ trợ thiết bị cần thiết.	Hằng năm
11.2	Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn phát hiện, sàng lọc, tư vấn sử dụng, bảo quản thiết bị trợ giúp người khuyết tật cho cán bộ trợ giúp người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật.	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số cán bộ trợ giúp người khuyết tật được tập huấn.	2026-2030

11.3	Nghiên cứu xây dựng mô hình “cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị và mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng (khảo sát đánh giá nghiên cứu, tập huấn sử dụng cây gậy trắng, tập huấn tiếp cận các chính sách, vận động nguồn lực, kết nối dạy nghề, việc làm, hỗ trợ sinh kế, v.v...)	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội); - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Hội Người mù Việt Nam; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số mô người khuyết tật được tham gia mô hình.	2026-2030
12	Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá				
12.1	Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật	Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội)	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số chương trình, giáo trình đào tạo chăm sóc người khuyết tật.	2026-2030
12.2	Tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật; gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật.	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội, Cục Quản lý khám, chữa bệnh). - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số cán bộ, gia đình người khuyết tật được tập huấn.	Hàng năm
12.3	Nghiên cứu kinh nghiệm trợ giúp người khuyết tật của các nước.	Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội)	- Các bộ, ngành liên quan.	Báo cáo kinh nghiệm các nước.	2026-2030
12.4	Xây dựng phần mềm quản lý thông tin về người khuyết tật.	Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội) - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan.	Số liệu về người khuyết tật.	2026-2030
12.5	Nghiên cứu, đánh giá tình hình thực hiện chương trình và các chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.	Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội)	- Các bộ, ngành liên quan.	Báo cáo kiểm tra, đánh giá.	Hàng năm
12.6	Kiểm tra, giám sát và tổng hợp, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình	Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo.	Định kỳ, hàng năm

Phụ lục 2

**CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2026-2030 ĐỀ NGHỊ CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ỦY
BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
1	Truyền thông nâng cao nhận thức xã hội				
1.3	Thiết kế nội dung và phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm truyền thông sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, phụ đề, chữ nổi Braille hoặc các định dạng kỹ thuật số dễ truy cập, dễ đọc, dễ hiểu nhằm đảm bảo mọi dạng khuyết tật đều tiếp cận được thông tin.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Bộ Khoa học và Công nghệ; - Các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội, Trung tâm Truyền thông- Giáo dục sức khỏe Trung ương, Báo Sức khỏe và đời sống); - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Kế hoạch / Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật.	Hằng năm
2	Trợ giúp giáo dục				
2.1	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bảo đảm giáo dục bắt buộc ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ cập giáo dục trung học và tương đương đối với người khuyết tật và thúc đẩy thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật.	- Bộ Giáo dục và Đào tạo; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Nội vụ; - Các bộ, ngành liên quan	Văn bản về ưu đãi/phụ cấp đặc thù cho giáo viên và nhân viên giáo dục hòa nhập được thực hiện	2026-2030

2.2	Nghiên cứu, xây dựng, phát triển chương trình học tập, học liệu giáo dục hỗ trợ cấp học mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu đa dạng của người khuyết tật.	- Bộ Giáo dục và Đào tạo; - UBND các tỉnh, thành phố.	Các bộ, ngành liên quan.	Học liệu và chương trình học liệu tiếp cận phổ quát cho các cấp học.	2026-2030
2.3	Tiếp tục triển khai đưa nội dung giáo dục hòa nhập và giáo dục đối với người khuyết tật vào các chương trình đào tạo giáo viên đối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành sư phạm	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan.	Khung chương trình đào tạo sư phạm tích hợp giáo dục hòa nhập được phê duyệt.	2026-2030
2.4	Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cấp học mầm non và phổ thông về nghiệp vụ giáo dục đối với người khuyết tật	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan.	Tài liệu tập huấn chuyên môn; cán bộ, giáo viên được tập huấn	2026-2030
2.5	Phát triển các mô hình giáo dục đối với người khuyết tật, hệ thống các cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật hoạt động có hiệu quả từ trung ương đến địa phương phù hợp với nhu cầu đa dạng của người khuyết tật: phát hiện sớm, can thiệp giáo dục sớm, giáo dục đối với người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục, giáo dục người khuyết tật tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa.	- Bộ Giáo dục và Đào tạo; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Y tế; - Các bộ, ngành liên quan.	Hệ thống các mô hình/cơ sở giáo dục đa dạng cho người khuyết tật đi vào hoạt động.	2026-2030
2.6	Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục của người khuyết tật vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	- Bộ Giáo dục và Đào tạo - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Y tế; - Các bộ, ngành liên quan.	Phần mềm/Kho dữ liệu quản lý giáo dục người khuyết tật được số hóa và kết nối đồng bộ với cơ sở	2026-2030

				dữ liệu về người khuyết tật.	
3	Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế				
3.1	Rà soát và hoàn thiện văn bản hướng dẫn tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người khuyết tật; thống kê, đánh giá các cơ sở đào tạo nghề đối với người khuyết tật và nhu cầu học nghề của người khuyết tật	Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Bộ Nội vụ; - Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội) - Các bộ, ngành liên quan.	Văn bản hướng dẫn; số cơ sở đào tạo nghề và nhu cầu đào tạo nghề của người khuyết tật.	2026-2030
3.2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề đối với người khuyết tật linh hoạt về thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, hình thức đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp hoặc các tổ chức của người khuyết tật; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc của người khuyết tật	- Bộ Giáo dục và Đào tạo - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội); - Bộ Nội vụ; - Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Văn bản hướng dẫn đào tạo nghề/ việc làm đặc thù; Báo cáo thống kê nhu cầu học nghề của người khuyết tật.	2026-2030
3.4	Ưu tiên bố trí và giải ngân nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.	- Bộ Nội vụ; - Ngân hàng Chính sách xã hội;	- Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội); - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Báo cáo kết quả giải ngân vốn tín dụng ưu đãi	Hằng năm
5	Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng				
5.1	Đẩy mạnh các biện pháp thực thi Bộ Quy chuẩn Việt Nam 10:2024/BXD về xây dựng công trình	- Bộ Xây dựng; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan;	Các công trình tiếp cận	2026-2030

	đảm bảo tiếp cận sử dụng trong các công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra trong hoạt động xây dựng		- Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.		
5.2	Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng bảo đảm tiếp cận sử dụng các công trình công cộng và nhà chung cư; xây dựng tài liệu hướng dẫn bảo đảm người khuyết tật tiếp cận các công trình xây dựng hiện hữu.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành liên quan.	Văn bản sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tài liệu hướng dẫn	2026-2030
5.3	Nghiên cứu thúc đẩy các giải pháp trợ giúp tiếp cận các công trình xây dựng; xây dựng các tài liệu minh họa, hướng dẫn thực hiện, giáo trình giảng dạy về thiết kế tiếp cận các công trình xây dựng trong công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao nhận thức của cộng đồng.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành liên quan.	Tài liệu minh họa, hướng dẫn, giáo trình.	2026-2030
6	Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông				
6.1	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành bộ tiêu chí giao thông tiếp cận phổ quát đối với hệ thống giao thông.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành liên quan.	Bộ tiêu chí giao thông tiếp cận phổ quát.	2026-2030
6.2	Nghiên cứu, biên soạn và phát hành Sổ tay thiết kế công trình giao thông tiếp cận đối với hệ thống giao thông để hướng dẫn các địa phương áp dụng trong quá trình phát triển hệ thống giao thông	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành liên quan.	Sổ tay thiết kế công trình giao thông tiếp cận đối với hệ thống giao thông.	2026-2030
6.3	Tăng cường năng lực hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng	- Bộ Xây dựng; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Sổ công trình được tiếp cận.	Hằng năm

6.4	Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để người khuyết tật tham gia giao thông	- Bộ Xây dựng; - UBND các tỉnh, thành phố.	Các bộ, ngành liên quan.	Số tuyến vận tải được tiếp cận.	2026-2030
6.5	Khảo sát, đánh giá thực trạng đảm bảo tiếp cận của hệ thống giao thông công cộng và nhu cầu tham gia giao thông của người khuyết tật phục vụ cho việc xây dựng chiến lược giao thông tiếp Cận đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.	- Bộ Xây dựng; - UBND các tỉnh, thành phố.	Các bộ, ngành liên quan.	Báo cáo đánh giá	2026-2030
7	Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông				
7.1	Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trợ giúp người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông.	- Bộ Khoa học và Công nghệ	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Các bộ, ngành liên quan.	Quy chuẩn được ban hành.	2026-2030
7.2	Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật.	- Bộ Khoa học và Công nghệ	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Các bộ, ngành liên quan.	Số cổng và trang tin điện tử người khuyết tật tiếp cận.	Hằng năm
7.3	Phát triển các công cụ, sản xuất tài liệu phục vụ đào tạo người khuyết tật tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật bao gồm giáo dục văn hóa phổ thông các cấp và đào tạo nghề.	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - Bộ Giáo dục và Đào tạo; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Các bộ, ngành liên quan.	Số tài liệu đào tạo sử dụng công nghệ; số chương trình đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật tiếp cận.	2026-2030
7.4	Nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông; nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Các bộ, ngành liên quan.	Số người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin.	Hằng năm

	người khuyết tật hòa nhập cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật.				
8	Trợ giúp pháp lý				
8.1	Tăng cường thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý; phối hợp với Trung tâm và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong việc hỗ trợ và trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.	- Bộ Tư pháp; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - Các bộ, ngành liên quan.	Số người khuyết tật được trợ giúp pháp lý.	Hằng năm
8.2	Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và những người phối hợp trong trợ giúp pháp lý với người khuyết tật.	- Bộ Tư pháp; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Chương trình, tài liệu và số cán bộ được tập huấn trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.	Hằng năm
8.3	Tăng cường, đổi mới truyền thông về trợ giúp pháp lý theo hướng đa dạng các hình thức, biện pháp, cách thức, nội dung truyền thông về trợ giúp pháp lý bằng nhiều hình thức phù hợp cho người khuyết tật.	- Bộ Tư pháp; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - Các bộ, ngành liên quan.	Số người khuyết tật được trợ giúp pháp lý.	Hằng năm
9	Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch				
9.1	Hướng dẫn các tỉnh, thành phố thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số câu lạc bộ thể thao người khuyết tật được hình thành.	2026-2030

9.2	Hoàn thiện và phát triển 15 môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số môn thể thao được hình thành và tập luyện.	2026-2030
9.3	Hướng dẫn các tỉnh, thành phố chỉ đạo hệ thống thư viện trên địa bàn hình thành môi trường đọc thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ và sản phẩm thông tin, thư viện và các điều kiện để hỗ trợ người khuyết tật khai thác, sử dụng thư viện.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số Thư viện hình thành môi trường độc thân thiện và đảm bảo điều kiện người khuyết tật sử dụng.	Hằng năm
9.4	Tăng cường ứng dụng công nghệ để người khuyết tật có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với người khuyết tật.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số điểm tham quan, nhà hàng, khách sạn tiếp cận.	2026-2030
9.5	Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực thể dục thể thao người khuyết tật cho các đối tượng: Trọng tài, huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật, hướng dẫn viên, cán bộ hội người khuyết tật; tập huấn đào tạo kỹ năng biểu diễn nghệ thuật dành cho người khuyết tật; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ người khuyết tật khi tham gia các hoạt động du lịch.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số Trọng tài, huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật, ... được tập huấn	2026-2030
10	Trợ giúp phụ nữ khuyết tật				
10.1	Vận động, thực hiện chính sách liên quan tới phụ nữ khuyết tật (rà soát, đánh giá để đề xuất chính sách; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phân tách	- Bộ Nội Vụ;	- Các bộ, ngành liên quan;	Dự liệu phân tách (theo giới, tuổi, dạng khuyết tật và	Hằng năm

	(theo giới, tuổi, dạng khuyết tật và các đặc điểm liên quan); truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức cộng đồng; tăng cường lòng ghép giới trong các chương trình về người khuyết tật; nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp trong hỗ trợ phụ nữ khuyết tật...).	- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	các đặc điểm liên quan); các chương trình hỗ trợ phụ nữ khuyết tật; các bộ hội được tập huấn	
10.2	Triển khai các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ khuyết tật (nâng cao kiến thức, kỹ năng; phát triển mạng lưới; chia sẻ kinh nghiệm; các hoạt động an sinh xã hội; rà soát, đánh giá các mô hình hiện có và thí điểm một số mô hình/hoạt động mới...); hỗ trợ phụ nữ khuyết tật nâng cao năng lực, kỹ năng số, kỹ năng tham gia xã hội.	- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số phụ nữ khuyết tật được hỗ trợ, số mô hình.	2026-2030
10.3	Tăng cường phối hợp liên ngành trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khuyết tật.	- Bộ Nội Vụ; - Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; - UBND các tỉnh, thành phố.	- Các bộ, ngành liên quan; - Đề nghị MTTQVN và các tổ chức thành viên tham gia.	Số chương trình phối hợp	Hằng năm
11	Nâng cao năng lực công tác thống kê, thực hiện lòng ghép hoặc tổ chức điều tra, khảo sát thống kê chuyên đề về người khuyết tật.	Bộ Tài chính	- Các Bộ, ngành liên quan; - UBND các tỉnh, thành phố.	Số liệu về NKT	Theo kế hoạch được phê duyệt về điều tra.